

## BÀI TẬP VẬN DỤNG CƠ BẢN

### Bài 1: Chuyển các danh từ đếm được dưới đây thành dạng số nhiều

| Singular             | Plural | Singular              | Plural |
|----------------------|--------|-----------------------|--------|
| Baby ( em bé)        |        | Key ( chìa khóa)      |        |
| Book ( sách)         |        | Lady ( quý cô)        |        |
| Bottle ( bình)       |        | Mouse ( chuột)        |        |
| Bowl ( bát)          |        | Person ( người)       |        |
| Box ( hộp)           |        | Photo ( ảnh)          |        |
| Bus ( xe buýt)       |        | Sailor ( thủy thủ)    |        |
| Chair ( ghế)         |        | Series ( chuỗi)       |        |
| Child ( đứa trẻ)     |        | Spoon ( muỗng)        |        |
| Church ( nhà thờ)    |        | Student ( học sinh)   |        |
| Computer ( máy tính) |        | Table ( bàn)          |        |
| Door ( cửa)          |        | Tooth ( răng)         |        |
| Fish ( cá)           |        | Vehicle ( xe cộ)      |        |
| Foot ( chân)         |        | Window ( cửa sổ)      |        |
| Gentleman ( quý ông) |        | Woman ( người phụ nữ) |        |
| Goose ( ngỗng )      |        | Year ( năm)           |        |

### Bài 2: Hoàn thành câu với những danh từ cho sẵn , sử dụng dạng số ít hoặc số nhiều của chúng.

My mother used to be a famous \_\_\_\_\_. ( cook )

My friend and I are best \_\_\_\_\_. ( friend)

There are more than two hundred \_\_\_\_\_ in the local library. ( book)

There must be several \_\_\_\_\_ in my kitchen. ( mouse)

You shouldn't eat more than two \_\_\_\_\_ of cake. ( piece)

I will spend one \_\_\_\_ day doing nothing ( day)

Two \_\_\_\_ have entered this apartment. ( man)

Jane was the only \_\_\_\_ in the room. ( person)

You need two \_\_\_\_ of sugar to make this cake. ( teasspoon)

Apple and strawberry are my favorite \_\_\_\_\_. ( fruit)

My brother promised to buy me a new \_\_\_\_\_. ( ball)

They are my \_\_\_\_\_. ( classmate)

Would you like a \_\_\_\_ of tea ? ( cup)

Tim wants to be a \_\_\_\_ in the future. ( librarian)

My father and I caught two big \_\_\_\_ in the lake behind our house. ( fish)

**Bài 3: Hãy viết C ( countable) bên cạnh những danh từ đếm được, viết U ( uncountable) trước danh từ không đếm được.**

|                      |  |                        |  |
|----------------------|--|------------------------|--|
| Anger ( sự giận dữ)  |  | Knife ( dao)           |  |
| Bread ( bánh mì)     |  | Lamp ( đèn)            |  |
| Cake ( bánh)         |  | Lemonade ( nước chanh) |  |
| Chopstick ( đũa)     |  | Milk ( sữa)            |  |
| Cup ( cốc)           |  | Money ( tiền)          |  |
| Cupboard ( tủ, chạn) |  | News ( tin tức)        |  |
| Dish ( đĩa)          |  | Nature ( tự nhiên)     |  |
| Drop ( giọt)         |  | Noodle ( mì)           |  |
| Fan ( quạt)          |  | Person ( người)        |  |
| Flour ( bột)         |  | Rice ( gạo)            |  |
| Fruit ( hoa quả)     |  | Salt ( muối)           |  |
| Glass ( ly)          |  | Sugar ( đường)         |  |
| Heat ( nhiệt)        |  | Tomato ( cà chua)      |  |

|                          |  |                  |  |
|--------------------------|--|------------------|--|
| Information ( thông tin) |  | Vegetable ( rau) |  |
| Kitchen ( phòng bếp)     |  | Wine ( rượu)     |  |

**Bài 4: Điền các từ để đo số lượng những danh từ không đếm được vào chỗ trống sao cho thích hợp.**

|        |        |        |        |         |
|--------|--------|--------|--------|---------|
| Pot    | Sheets | Litres | Bar    | Gallons |
| Grains | Glass  | Cake   | Slices | Bag     |

1. Would you like another \_\_\_\_ of water?
2. I'd like two \_\_\_\_ of lemonade , please.
3. My grandmother gave me a \_\_\_\_ of jam yesterday.
3. You may need three \_\_\_\_ of paper to write your essay.
5. He usually has two \_\_\_\_ off bread for his breakfast.
6. My boyfriend gave me a \_\_\_\_\_ of chocolate last week.
7. You need at least two \_\_\_\_ of petrol to run this machine.
8. There are some \_\_\_\_\_ of sand in my tea.
9. My mon told me to buy a \_\_\_\_ of soap.
10. There is a \_\_\_\_ of pepper in the cupboard.